TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS - PT
Ngày 27 - 02 - 2020
V/v "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Lâm Hồng;

Các Thẩm phán: Ông Lương Văn Đài và bà Trần Thị Khánh Vân;

Thư ký Tòa án: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 27 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019 về *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* do bản án dân sự số 27/2019/DSST ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai bị nguyên đơn chị Bùi Thị H kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐ-PT ngày 30/12/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/ QĐ- PT ngày 16 tháng 1 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H

Địa chỉ: Tổ 5, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị M

Địa chỉ: Số nhà C2/12, đường S, tổ 34, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Văn B.

Địa chỉ: Khu 7, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

4.. Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Bùi Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Do có mối quan hệ thân thiết, trong khoảng năm 2012 - 2013 chị Bùi Thị H đã nhiều lần cho chị Đỗ Thị M vay tiền. Ngày 06/8/2013 chị H cho chị M vay số tiền 500.000.000 đồng *(năm trăm triệu đồng)* thể hiện tại Giấy vay tiền mặt do chị M tự viết và ký vào mẫu giấy phô tô sẵn, không ghi lãi suất và thời hạn thanh toán. Vào cuối năm 2013 không thấy chị M trả tiền, chị H có đòi thì chị M xin khất trả nợ trong vòng 05 năm với lý do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nợ cho người khác vay không đòi được nên không có tiền trả cho chị H. Ngoài ra chị M trình bày không còn nhà, phải đi ở nhờ. Vì là chị em chơi với nhau nên chị H nhất trí giãn thời gian trả nợ trong 5 năm để tạo điều kiện chị M có thời gian thanh toán nợ.

Vào khoảng cuối năm 2017 chị H phát hiện chị M đưa ra lý do nêu trên để lừa dối, vì chị M có tiền mua nhà ở đường S, chị H trực tiếp gặp chị M để đòi nợ nhưng chị M không chịu trả vì đã trả và không biết món nợ này. Ngày 29/3/2018 chị H đã ra thông báo về việc yêu cầu thanh toán nợ qua đường bưu điện, nhưng chị M không trả. Vì vậy, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị M phải trả cho chị H số tiền 500.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn chị Đỗ Thị M trình bày:

Chị M thừa nhận có vay số tiền 500.000.000 đồng của chị Bùi Thị H theo giấy vay tiền ngày 06/8/2013 như chị H đã trình bày. Cả hai có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất suất là 1.500đồng/triệu/ngày và hẹn ngày trả nợ trong khoảng 1 tháng.

Sau khi vay chị M đã cho anh Đỗ Hải N công tác tại Ngân hàng Sài Gòn Công thương Lào Cai - Chi nhánh Cam Đường vay lại. Đến khoảng cuối tháng 8/2013, tại Ngân hàng Sài Gòn công thương, chi nhánh Cam Đường, anh N đã trả cho chị M cả gốc và lãi tổng cộng số tiền 516.000.000 đồng. Sau khi đếm đủ , Chị M để số tiền đó vào trong túi chuyên dùng đựng tiền của Ngân hàng *(có đặc điểm màu nâu giống màu vỏ bao si măng)* và cho vào một túi ni lông màu đỏ. Ngay sau đó, chị M nhờ anh N chở bằng xe ô tô đến nhà chị H số nhà 079, đường Nguyễn Huệ, phường P, thành phố L để trả tiền, trên đường đi chị M gọi điện cho chị H nói đến trả món nợ 500.000.000 đồng vay ngày 6/8/2013, chị H B hiện không có nhà và nói cứ mang tiền cả gốc và lãi đến nhà đưa cho anh B *(là người chung sống như vợ chồng với chị H)* còn giấy tờ vay chị H sẽ tự xé cho. Do tin tưởng, Chị M đem 01 túi tiền 500.000.000 đồng tiền gốc và lãi là 16.000.000 đồng đưa cho anh B để trả cho chị H. Khi chị M đến nhà, anh B có nghe điện thoại chị H và đồng ý nhận số tiền 500.000.000 đồng và lãi của chị M và hứa có nghĩa vụ đưa số tiền trên cho chị H ngay. Anh Đỗ Hải N đợi chị M trước cửa nhà chị H chứng kiến chị M mang túi tiền anh N vừa trả nợ cho chị M.

Ngày hôm sau chị M gặp lại chị H yêu cầu chị H trả giấy vay nợ nhưng chị H nói là chưa tìm thấy, sau đó mấy hôm chị M lại hỏi chị H giấy vay nợ nhưng chị H

nói chị tự xé cho, đã trả rồi thì lo gì, chị M cũng tin tưởng nên không hỏi gì nữa. Cũng chính vì việc chị M đã trả nợ nên trong suốt thời gian hơn 05 năm chị H không hề nói gì đến khoản nợ. Đến nay chị H yêu cầu chị M trả số tiền 500.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 06/8/2013 chị M không nhất trí.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn B khai:

Năm 2009 anh B chung sống như vợ chồng *(Không đăng ký kết hôn)* với chị H và có 01 con chung là cháu Bùi Duy Đạt. Vào khoảng thời gian năm 2012 đến 2013 anh B biết chị M thường xuyên vay tiền của chị H, việc hai bên vay trả tiền nhau như thế nào thì anh không biết. Đối với khoản tiền chị M vay 500.000.000 đồng của chị H tháng 8/2013 anh B không biết. Anh B chỉ nhớ vào khoảng cuối năm 2013 khi đó anh B đang ở số nhà nhà 079, đường Nguyễn Huệ, phường P, thành phố L, chị H không có ở nhà, đến khoảng gần trưa chị M đến nhà đưa cho anh B 01 túi giấy xi măng bên trong chứa tiền nhờ anh B trả cho chị H, khi nhận anh không đếm, không kiểm tra bên trong túi có bao nhiêu tiền. Sau khi nhận được túi tiền từ chị M, anh B đã cất túi tiền vào trong tủ và ngay ngày hôm đó đã chuyển lại cho chị H. Nay chị H khởi kiện đòi chị M số tiền 500.000 000 đồng, anh B đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bản án số 27/2019/DSST ngày 21/10/2019 của TAND thành phố L, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 471, điều 474, điều 476, điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 1 điều 147, Điểm b khoản 2 điều 227, điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Đỗ Thị M phải trả cho chị Bùi Thị H số tiền gốc đã vay là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 30/ 10/2019, nguyên đơn chị Bùi Thị H kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Đỗ Thị M phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ số tiền 500.000.000 đồng. (*Năm trăm triệu đồng*).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn chị Bùi Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo; Và trình bày năm 2013 giữa chị và anh B không phải là vợ chồng; Trong thời gian sống chung chị H không tin anh B vì anh B là người nghiện đánh bạc đã bị công an bắt nhiều lần. Từ cuối năm 2013 đến nay anh B không còn sống với chị; hiện nay anh B thừa nhận còn nợ tiền của chị H tại thư tay viết gửi cho con trai cháu Bùi Duy Đạt ngày 04/11/2013. Vì vậy lời khai của anh B đã đưa

tiền nhận của chị M trả cho chị là không đúng.

Hiện nay anh Đỗ Hải N đang có mâu thuẫn với chị H về việc vay tiền không trả và đang phải trả cho chị số tiền 550.000.000.đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DSST ngày 21/10/2019 của TAND thành phố L, tỉnh Lào Cai theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H, buộc chị Đỗ Thị M phải có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền nợ là 500.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của nguyên đơn chị Bùi Thị H có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, nộp trong hạn luật định là hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn chị Bùi Thị H.

[2.1] Xét Hợp đồng vay tiền ngày 06/8/2013 giữa chị Bùi Thị H với chị Đỗ Thị M: Giấy vay tiền mặt giữa chị M và chị H được hai bên lập bằng văn bản, không thỏa thuận về thời hạn vay, lãi suất, mục đích vay mà chỉ thể hiện số tiền vay là 500.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, chị M cũng thừa nhận có vay của chị H số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 06/8/2013. Vì vậy, giao dịch vay tiền giữa chị H và chị M là hợp pháp.

[2.2] Về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Chị M cho rằng đã trả đủ số tiền nợ 500.000.000 đồng cho chị H, được thể hiện bằng các chứng cứ:

Lời khai của anh N: "Khoảng ngày 24, 25 tháng 8 năm 2003 tôi trả cho chị Mến số tiền 500 triệu tại trụ sở ngân hàng Sài gòn công thương, chi nhánh Cam Đường, sau khi trả tiền chị M có nhờ tôi đưa chị M lên số nhà 079 đường Nguyễn Huệ, Thành phố L tôi đồng ý. Khi đến nơi, tôi đỗ xe ngoài cửa, còn chị M sách túi vào trong nhà, sự việc tiếp theo như thế nào chị M trả tiền cho ai, bao nhiêu tiền hay như thế nào tôi không được biết, vì không được chứng kiến". (BL95)

Lời khai của anh B ngày 26/6/2018 "Khoảng cuối tháng 8/2013 chị M có đưa cho tôi một túi tiền để nhờ tôi chuyển hộ cho chị H. Trước khi chị M chuyển tiền cho tôi tại số nhà 079 đường Nguyễn Huệ chị H có gọi điện cho tôi hỏi tôi có nhà không để chị M đến trả tiền. Thời điểm chị M đưa tiền cho tôi, chỉ có tôi và chị M không có ai chứng kiến. Khi chị M đưa tiền cho tôi, tôi không đếm lại nên không biết chị Mến trả cho chị H bao nhiêu tiền. Tôi không nhớ thời điểm nào sau khi nhận tiền của chị M tôi đưa lại số tiền đó cho chị H. Tôi chỉ biết đưa toàn bộ tiền cho chị H còn trong đó có bao nhiêu tiền thì tôi không biết" (BL97):

Tại lời khai ngày 09/8/2019: " ...vào khoảng cuối năm 2013, vào tháng nào tôi không nhớ, lúc đó tôi đang ở nhà 079 đường Nguyễn Huệ, cô H không có ở nhà, khoảng gần trưa cô M đến nhà để trả tiền cho cô H, do cô H không có nhà nên cô M đưa cho tôi một túi giấy xi măng bên trong chứa tiền nhờ tôi chuyển lại cho cô H. Tôi không biết bên trong túi có bao nhiêu tiền, trả món vay nào. Tôi chỉ biết nhận hộ cô H, tôi không đếm không kiểm tra bên trong túi. Còn việc cô H cô M giao dịch với nhau như thế nào tôi không biết. Sau khi nhận túi tiền từ cô M tôi đã cất túi tiền này vào trong tủ, ngay trong ngày hôm đó tôi chuyển lại cho cô H *(vào buổi trưa khi cô H đi chợ về)*. Cô M nói với tôi là đã gọi điện thoại cho cô H rồi B tôi nhận hộ cô H món tiền này, sau đó cô M đưa cho tôi túi tiền rồi về luôn. Chúng tôi không lập biên bản gì không viết giấy tờ gì, cô M không nói cho tôi biết trong túi có bao nhiêu tiền, tôi không hỏi. Lúc tôi chuyển lại túi tiền này cho cô H chỉ có tôi và cô H ngoài ra không có ai khác. Khoảng một tháng sau tôi và cô H mâu thuẫn tình cảm, chúng tôi không chung sống cùng nhau nữa tôi đã về quê ở huyện G tỉnh Hải Dương sinh sống và không liên lạc với cô H..."

Quá trình giải quyết vụ án chị H khai không biết việc chị M trả tiền cho anh B; không ủy quyền cho anh B nhận tiền của chị M; chị không tin tưởng anh B nhận khoản tiền có giá trị lớn như vậy; Vì từ tháng 8/2013 anh B và chị nảy sinh nhiều mâu thuẫn, từ cuối năm 2013 đến nay anh B về quê ở Hải Dương sinh sống. Do thuẫn vẫn tồn tại nên anh B không liên lạc, không quan tâm thăm hỏi cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy chị không thừa nhận việc đã nhận 500.000.000đ anh từ anh B đã nhận của chị Mến theo như lời khai của chị Mến và anh B. Xét thấy lời khai anh B có nhiều mâu thuẫn; không thống nhất về thời gian đưa khoản tiền trả nợ của chị M cho chị H.Vì vậy lời khai của anh B đã đưa số tiền 500.000.000đ cho chị H là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

Tòa án sơ thẩm căn cứ vào lời khai người làm chứng anh Đỗ Hải N là người đang có mâu thuẫn với chị H và đang phải trả cho chị H số tiền 550.000.000.đồng. Theo quyết định của tòa án là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Mặt khác, Vào các năm 2012-2013 chị H, M đều thừa nhận chị H cho chị M Vay tiền nhiều lần, mỗi khi trả chị M trả trực tiếp, hoặc chuyển khoản qua ngân hàng cho chị H đều yêu cầu chị H phải trả lại giấy vay tiền, sau đó chị M mới trả nợ gốc và lãi cho chị H. Vì vậy, lời khai của chị M đưa số tiền 500.000.000đ cho

anh B mà không được sự ủy quyền bằng văn bản của chị H và không có xác nhận từ phía anh B bằng văn bản cam kết giao lại số tiền này cho chị H theo khoản vay ngày 8/6/2013, là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Ngoài ra, Chị M còn cung cấp bảng kê chi tiết cước điện thoại tháng 2 đến 5/2018 và các tin nhắn thể hiện sự có sự trao đổi qua lại giữa chị với anh B và giữa chị với chị H nhưng qua xem xét những chứng cứ do chị M cung cấp không chứng minh được có sự trao đổi qua điện thoại giữa chị H với B về việc anh B nhận tiền của chị M tại thời điểm ngày 06/8/2013. Các chứng cứ chị M cung cấp không chứng minh được việc anh B đã đưa số tiền *(nhận của chị M)* cho chị H theo khoản vay 500.000.000đ ngày 06/8/2013. (BL 35- 74).

Tại phiên tòa ngày 12/02/2020 chị Đỗ thị M cung cấp chứng cứ mới là 01 USB nội dung cuộc nói chuyện qua điện thoại giữa chị và anh Bùi Văn B về việc trả tiền nợ cho chị H; chị H cung cấp 01 USB cùng văn bản nội dung cuộc nói chuyện giữa chị và người làm chứng anh Đỗ Hữu N. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định tạm ngừng phiên tòa để các đương sự giao nộp chứng cứ theo đúng quy định tại điểm 2 điều 95; 96 Bộ luật tố tụng dân sự; Qua xem xét các chứng cứ do đương sự giao nộp. Xét thấy không phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 95 BLTTDS. Các đương sự đã không chứng minh được về nguồn gốc xuất sứ của băng ghi âm đã cung cấp, vì vậy chứng cứ mới do hai bên đương sự đưa ra không được chấp nhận.

Ngoài các chứng cứ nêu trên, chị M không đưa ra được chứng cứ nào khác chứng minh việc đã trả nợ cho chị H. Tòa án sơ thẩm dựa vào những chứng cứ có nhiều mâu thuẫn, chưa vững chắc để bác đơn khởi kiện đòi nợ số tiền 500.000.000đ của chị H là không có căn cứ. Vì vậy, cần phải sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Bùi Thị H là phù hợp.

Vì không chứng minh được việc đã trả nợ cho chị H nên chị M phải có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền gốc còn nợ là 500.000.000 đồng. *(Theo nội dung giấy vay tiền ngày 06/8/2013)*. Tuy nhiên, do anh B thừa nhận việc nhận tiền từ chị M và anh B không chứng minh được đã trả số tiền trên cho chị H nên chị M có quyền khởi kiện đòi nợ anh Bùi Văn B bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là chị Bùi Thị H không phải chịu án phí sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 điều 308, Điều 309, Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DSST ngày 21/10/2019 của TAND thành phố L, tỉnh Lào Cai như sau :

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H, buộc chị Đỗ Thị M phải có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền gốc vay còn nợ là 500.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền phải thi hành án nói trên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành mà người phải thi hành án không nộp thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian và số tiền phải thi hành.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Chị Bùi Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho chị Bùi Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 12.000.000 đồng *(mười hai triệu đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/0005452 ngày 06/9/2018 của chi cục thi hành án dân sự thành phố L và số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/0006436 ngày 05/11/2009 của chi cục thi hành án dân sự thành phố L.

Chị Đỗ Thị M phải chịu 24.000.000 đồng *(hai mươi tư triệu đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự phúc thẩm. Tổng cộng là 24.300.000 đồng *(hai mươi tư triệu ba trăm nghìn đồng).*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Văn Đài **Trần Thị Khánh Vân** **Phùng Lâm Hồng**

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND Tp.Lào Cai;
- Chi cục THADS Tp.Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Lâm Hồng